

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2021/HNGĐ - ST.
Ngày: 27 - 10 - 2021.
V/v “Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân D: 1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **1097/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020** về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Duy K**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 123, khu B, tổ 5, ấp 6, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu phố Long K 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 5/52, tổ 14, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Vân Anh đề nghị xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2005, anh K và chị D tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L theo quy định của pháp luật. Anh K và chị

D có 01 con chung là cháu Trần Ngọc K V, sinh ngày 01/8/2011. Do mâu thuẫn vợ chồng, không còn hạnh phúc nên vào đầu năm 2015 anh K và chị D xin ly hôn và đã được Tòa án nhân D huyện Long Thành giải quyết theo Quyết định số 07/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2015. Theo đó, anh K và chị D thỏa thuận giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn, anh K đã giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên về điều kiện chỗ ở, kinh tế và thời gian chăm sóc cháu V của chị D hiện nay không đảm bảo. Cụ thể chị D đang phải thuê mướn nhà, không có công việc ổn định và đã sinh thêm một em bé nhỏ nên không có điều kiện chăm sóc cháu V được tốt nhất. Cháu V hiện đã hơn 9 tuổi và đang học lớp 3 nên nhiều lần anh K tới thăm, con bày tỏ nguyện vọng muốn về sống chung với anh K để được chăm sóc tốt hơn về mọi mặt. Trước giờ chỗ ở và kinh tế của anh K luôn ổn định. Anh K đã có đất và nhà riêng tại số nhà 23, khu B, ấp 5, xã A, huyện L . Anh K đã có vợ và 01 người con gái. Ngoài công việc giờ hành chính tại Công ty TNHH OM Digital Solutions Việt Nam, anh K còn chăn nuôi thêm tại nhà nên thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng. Đồng thời, ngoài sự chăm sóc trực tiếp của anh K, cháu V còn được bà nội, vợ anh K và các cô dành thời gian chăm sóc cho cháu ăn uống đầy đủ, đưa đón cháu đi học đảm bảo. Chính vợ của anh K là người động viên anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và đã gửi bản ý kiến cho Tòa án. Do đó, nếu anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V thì sẽ đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của con, không để cháu V phải chịu bất cứ thiệt thòi nào về vật chất và tinh thần. Đồng thời, anh K cam kết không hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục của chị D đối với cháu V. Ngược lại, từ thời điểm cháu V ở với anh K, chị D chưa từng gọi điện hỏi han hay đến thăm con.

Để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu V, anh K yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc K V, anh K không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Bị đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày:* Theo quyết định giải quyết việc thuận tình ly hôn, anh K thỏa thuận giao cháu V cho chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn đến nay, chị nuôi dưỡng cháu V rất tốt, cháu học rất tốt, được cô giáo khen, ăn uống nhiều chất dinh dưỡng, chiều cao và cân nặng phát triển bình thường. Anh K cho rằng điều kiện chỗ ở, kinh tế và thời gian chăm sóc cháu V của chị không đảm bảo là không đúng, vì chị thuê nhà nguyên căn, không phải nhà trọ nhiều người ở ồn ào, sẽ không ảnh hưởng đến sinh hoạt và học hành của con. Hiện tại, công việc của chị là nội trợ, nhận thêm bánh tráng về làm thêm ổn định, lương 180.000 đồng/ngày, ngoài ra còn được người chị cho thêm mỗi tháng 5.000.000 đồng để sinh hoạt thêm. Hiện tại chị có thêm 01 người con gái sinh năm 2018 nhưng chị vẫn có đủ sức khỏe và khả năng lo cho cả hai con.

Từ lúc sinh ra cháu V do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khoảng tháng 12/2020 bà nội xin rước về chơi do dịch bệnh và công việc chưa ổn định nên chị nhờ bà nội giữ cháu tới bây giờ và nói khi hè thì lên đón cháu về.

Anh K yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị không đồng ý. Anh K đã có gia đình riêng và sinh thêm 02 con nữa, với đồng lương 6.000.000 đồng/tháng không có khả năng lo cho con được như chị. Anh K ở nhà vợ, mỗi lần đưa con về chơi là chở lên nhà bà nội, bà nội đã 60 tuổi là đã lớn tuổi, nhà xung quanh thì có sông suối, rồi gần khu công nghiệp Long Thành, với lại đang dịch bệnh Covid-19 chị không yên tâm và không đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đến tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy việc nuôi dạy con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ chung của cả anh K, chị D. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi dạy con chung hiện nay thấy rằng anh K đang có việc làm ổn định, có nhà riêng, đảm bảo việc nuôi con tốt hơn chị D vì hiện nay chị D chưa có nhà riêng, đang nuôi con nhỏ, việc đưa rước cháu V đi học sẽ không được thuận lợi như anh K. Mặt khác, cháu V cũng có nguyện vọng được ở với cha là anh K.

Để đảm bảo sự ổn định và phát triển về tâm lý của con chung chưa thành niên. Căn cứ theo quy định tại Điều 84 Luật HNGĐ năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu V cho anh K nuôi dưỡng, tạm thời chị D không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vân A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, con chung: Anh K và chị D đã ly hôn theo Quyết định giải quyết việc thuận tình ly hôn số 07/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tại quyết định nêu trên thể hiện anh chị có 01 con chung tên là Trần Ngọc K V, sinh ngày 01/8/2011, anh chị thỏa thuận

giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[3] Xét về nguyện vọng và điều kiện nuôi con của hai bên: Chị D và anh K đều yêu thương con chung, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo lợi ích mọi mặt của trẻ nên cần xét đến nguyện vọng của con chung, hoàn cảnh thực tế của mỗi bên để quyết định giao con cho ai nuôi.

[3.1] Về nguyện vọng của cháu V: Cháu V có bản tự khai thể hiện nội dung: “Trước đây cháu ở với mẹ nhưng hai tháng vừa qua cháu ở với ba, nay cháu tiếp tục muốn được sống chung với ba vì mẹ rất bận, không có thời gian chăm sóc cháu, đưa cháu đi học, cháu tự đi bộ đi học một mình, cháu sợ bị bắt cóc. Còn ba có thời gian chăm sóc cháu, ngoài ra còn có bà nội và các cô rất yêu thương cháu. Có ba và các cô thay nhau đưa đón cháu đi học”. Căn cứ khoản 3 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hiện tại cháu V đang sống với anh K và bà nội của cháu cho đến nay đã được một thời gian dài nên nguyện vọng của cháu V là chính đáng nên được chấp nhận.

[3.2] Về hoàn cảnh thực tế của anh K: Anh K có nhà ở ổn định, có việc làm tại Công ty TNHH OM Digital Solutions Việt Nam với mức lương là 7.112.400 đồng theo hợp đồng lao động anh K đã giao nộp cho Tòa án, ngoài ra anh K còn chăn nuôi thêm nên có thêm nguồn thu nhập, đã được chính quyền địa phương xác nhận. Cháu V được anh K, vợ của anh K, bà nội của cháu chăm sóc, được đi học và phát triển bình thường. Vợ của anh K cũng đã gửi văn bản ý kiến cho Tòa án về nội dung chị xem cháu V như con ruột, chị động viên anh K đưa cháu V về nuôi dưỡng để cháu được chăm sóc tốt nhất.

[3.3] Về hoàn cảnh thực tế của chị D: Theo kết quả xác minh thì chị D đang thuê nhà tại khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đang sinh sống cùng em gái, cháu và con riêng của chị D, công việc của chị D là bán bánh tráng với mức lương khoảng 180.000 đồng/ngày. Cho thấy, chị D chưa có nhà riêng là chưa có chỗ ở ổn định, còn công việc làm nghề tự do thì cũng chưa ổn định. Chị D đã sinh thêm một người con riêng vào năm 2018 nên mức thu nhập như trên không đảm bảo nuôi hai con. Chị D trình bày được người chị cho thêm mỗi tháng 5.000.000 đồng để sinh hoạt thêm nhưng không có chứng cứ chứng minh. Cháu V đã về sống với anh K được một thời gian nhưng chị D không đến yêu cầu anh K giao lại con. Như vậy, chị D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Từ những phân tích trên, xét nguyện vọng của cháu V, việc anh K có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V. Do đó, để đảm bảo cho cháu V có cuộc sống ổn định và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu V, căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu của anh K là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của anh K được chấp nhận nên chị D phải chịu 300.000 đồng án phí D sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Anh K không phải chịu, trả lại cho anh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng D sự;

Áp dụng các Điều 81, 82, 83, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy K về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” đối chị Trần Thị Ngọc D. Thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn tại Quyết định giải quyết việc thuận tình ly hôn số 07/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành từ chị D trực tiếp nuôi dưỡng sang cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc K V. Giao cháu Trần Ngọc K V, sinh ngày 01/8/2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết vì anh K không yêu cầu.

Chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí D sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Trả lại cho anh K 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005236 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Anh K, chị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND TT.LT.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN D THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa